TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2017/HSST
Ngày: 14/10/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

1. Ông Phan Văn Ký – Chủ tịch hội chữ thập đỏ thị xã Sông Cầu, Phú Yên
2. Ông Nguyễn Xuân Bình – Bí thư thị Đoàn thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2017/TLST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/HSST-QĐ ngày 28 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành C, sinh năm 1991; Nơi sinh: S, tỉnh Phú Yên; HKTT: KP. A, P. XĐ, Tx. S, tỉnh Phú Yên; Chổ ở: KP. A, P. XĐ, Tx. S, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Làm biển; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1965 và mẹ: không xác định (Theo cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 20/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên thì mẹ của bị cáo Nguyễn Thành C là bà Bùi Thị H, sinh năm 1974); Vợ là bà Phan Thị Mỹ Q, sinh năm 1993; Con ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- **Người bị hại:** Vợ chồng ông Phan Ngọc T, sinh năm 1980 và bà Mai Thị S, sinh năm 1982.

Cùng trú tại: KP. V, P. XT, T.x S, tỉnh Phú Yên

Ông T và bà S có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Phan Thị Mỹ Q, sinh năm 1993

Trú tại: KP. A, P. XĐ, T.x S, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 21/7/2017, do quen biết vợ chồng ông Phan Ngọc T và bà Mai Thị S đang làm nước ghe tại "Cảng Cá" thuộc khu phố V, phường XT, T.x S, tỉnh Phú Yên nhờ Nguyễn Thành C về nhà tại khu phố V lấy

giúp vợ chồng ông T, bà S một điện thoại và đèn pin thì C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78H3-6518 chạy về nhà ông T rồi mở cửa vào nhà. Khi C tìm đèn pin và điện thoại thì thấy trong túi áo khoác treo trên cửa tủ đựng quần áo có tiền nên C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. C lén lút lấy số tiền 5.300.000 đồng bỏ vào túi quần rồi lấy điện thoại, đèn pin mang đến cho vợ chồng ông T, bà S. Sau đó, bà S nghi ngờ C lấy trộm tài sản nên gọi điện thoại cho Phan Thị Phương T (là con ruột bà S) để kiểm tra số tiền thì phát hiện không còn. Bà S gọi điện thoại cho C quay lại nhà để hỏi C có lấy số tiền 5.300.000 đồng thì C điều khiển xe đến Trường trung học cơ sở Nguyễn Hồng Sơn thuộc khu phố D, phường XT để cất giấu số tiền trộm rồi đến nhà bà S, do C không thừa nhận nên bà S báo cáo sự việc cho Công an điều tra làm rõ.

Về vật chứng vụ án:

- Số tiền 5.300.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trả cho người bị hại
- Đang tạm giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 78H3-6518 và 01 giấy đăng ký xe máy số 0033866. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu Nguyễn Thành C bồi thường.

-Tại phiên tòa bị cáo khai: Do quen biết với vợ chồng ông T, bà S nên khoảng 10 giờ ngày 21/7/2017, vợ chồng ông T, bà S nhờ bị cáo về nhà của hai vợ chồng lấy giúp đèn pin và điện thoại di động đem đến trại sửa ghe để thợ làm. Bị cáo nhận lời và dùng xe mô tô của hai vợ chồng bị cáo có Biển kiểm soát 78H3-6518 về nhà ông T, bà S. Trong lúc tìm kiếm đèn pin và điện thoại thì bị cáo phát hiện trong túi áo khoác bà S để trong phòng ngủ có tiền ló ra, bị cáo nảy sinh lòng tham nên lấy trộm để lo cho vợ bị cáo sắp sinh con mà chưa có tiền. Khi vợ chồng ông T, bà S phát hiện báo cơ quan Công an làm việc; bị cáo đã khai nhận và chỉ nơi cất giấu tiền để Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ và trả lại cho vợ chồng ông T, bà S; khi đó bị cáo mới biết số tiền bị cáo lấy cắp là 5.300.000 đồng. Bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là không oan gì cho bị cáo.

- Người bị hại ông Phan Văn T và bà Mai Thị S khẳng định bị cáo khai là đúng và xác định chính bị cáo trộm số tiền 5.300.000 đồng của vợ chồng ông, bà vào khoảng 10 giờ ngày 21/7/2017. Số tiền này ông T, bà S đã được cơ quan Công an trả lại đủ. Tại phiên toà ông, bà không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Phan Thị Mỹ Q vắng mặt tại phiên toà, nhưng tại biên bản ghi lời khai (bút lục 49, 50), đơn xin xét xử vắng mặt và đơn yêu cầu có trong hồ sơ vụ án, bà Q khẳng định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78H3-6518 là tài sản chung của hai vợ chồng; sáng ngày 21/7/2017 bà Q chỉ biết bị cáo (là chồng của bà Q) điều khiển xe máy từ nhà đến phường XT để chia tiền đi biển chứ không biết bị cáo đến phường XT để trộm cắp tài sản của người khác. Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà Q yêu cầu Toà án trao trả lại cho vợ chồng bà chiếc xe trên để vợ chồng bà làm ăn sinh sống.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 20/9/2017 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố bị cáo Nguyễn Thành C về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Thành C về tội "Trộm cắp tài sản". Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp bị cáo đã tự giao nộp lại cho cơ quan điều tra thu giữ và trả lại cho người bị hại thuộc trường hợp phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành C phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường XĐ giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển kiểm soát 78H3-6518 và 01 giấy đăng ký xe máy số 0033866 là tài sản chung của bị cáo và vợ bị cáo mua lại của ông Phan Văn Tư dùng làm phương tiện đi lại, mua bán sinh sống. Bị cáo không có mục đích sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo và vợ bị cáo.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại đủ tài sản nên không yêu cầu bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi lấy trộm 5.300.000 đồng của vợ chồng ông Phan Ngọc T và bà Mai Thị S là phạm tội, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo lao động kiếm tiền nuôi vợ bị cáo mới sinh con 02 tháng tuổi và hứa không trộm cắp tài sản gì của bất kỳ ai nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Sông Cầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, người bị hại ông Phan Ngọc T và bà Mai Thị S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Mỹ Q vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Nguyễn Thành C đã lén lút trộm cắp số tiền 5.300.000 đồng của vợ chồng ông Phan Ngọc T và bà Mai Thị S vào khoảng 10 giờ ngày 21/7/2017 tại nhà của vợ chồng ông Phan Ngọc T và bà Mai Thị S thuộc khu phố V, phường XT, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Tài sản bị cáo chiếm đoạt là 5.300.000 đồng. Đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thành C tại phiên toà sơ thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu chúng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, đủ cơ sở kết luận: Chính bị cáo đã trực tiếp trộm 5.300.000 đồng của vợ chồng ông T, bà S vào khoảng 10 giờ ngày 21/7/2017 đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Như vậy Cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 20/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan cho bị cáo.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết trộm cắp tài sản là sai. Nhưng vì để có tiền lo cho vợ chuẩn bị sinh con, mà nảy sinh lòng tham đã trộm cắp tài sản. Nên cần xử lý tương xứng với mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra. Xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa có lần phạm tội nào khác; gia đình bị cáo khó khăn, cha của bị cáo bị tàn tật, không có mẹ; bản thân bị cáo có nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, nên đủ điều kiện áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự xử lý mà không nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô Biển kiểm soát 78H3-6518, số khung: CG023TT068914, số máy: 50PMG068914 và 01 giấy đăng ký xe máy số 0033866, được Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Yên cấp cho chủ xe là Trần Văn B – 1973, nơi ĐKNK thường trú: Phú Mỹ, Hoà Đồng, Tuy Hoà. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên là tài sản chung của bị cáo và vợ bị cáo mua lại của ông Phan Văn Tư để làm phương tiện đi lại, làm ăn; bị cáo không có mục đích dùng chiếc xe mô tô trên làm phương tiện đi trộm cắp tiền của vợ chồng ông T, bà S; không phải phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội. Nên áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo và vợ bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố**:** Bị cáo Nguyễn Thành C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành C 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 14/10/2017. Giao bị cáo Nguyễn Thành C cho UBND phường XĐ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành C và bà Phan Thị Mỹ Q 01 xe mô tô biển kiểm soát 78H3-6518, số khung: CG023TT068914, số máy: 50PMG068914 và 01 giấy đăng ký xe máy số 0033866, được Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Phú Yên cấp cho chủ xe là Trần Văn B – 1973, nơi ĐKNK thường trú: Phú Mỹ, Hoà Đồng, Tuy Hoà. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận đầy đủ tài sản và không yêu cầu gì khác. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tỉnh Phú Yên
- VKSND thị xã Sông Cầu
- Công an thị xã Sông Cầu
- Chi cục THADS TX S. Cầu
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên
- Bị cáo
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Toạ phiên Toà
(đã ký)

Trần Văn Tôn